TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03-11-2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thành Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Xem;

Bà Trần Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đức Trọn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2023/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2023, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Mộng C, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 8 năm 2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Đặng Thị Mộng C là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn Đ bắt đầu chung sống vào năm 1997, không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 23/8/1998 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 28/8/2002, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi

nhau, nên không duy trì được hạnh phúc đã ly thân nhau từ năm 2008 cho đến nay.

Nay Bà C xác định vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: 02 con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 23/8/1998 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 28/8/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà C khai không có nợ chung.

Ông Nguyễn Văn Đ là bị đơn có lời khai trình bày:

Ông và bà Đặng Thị Mộng C bắt đầu chung sống vào năm 1997, không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 23/8/1998 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 28/8/2002, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nên không duy trì được hạnh phúc đã ly thân nhau từ năm 2008 cho đến nay.

Nay Bà C yêu cầu ly hôn thì ông xét thấy không còn tình cảm với Bà C nữa nên cũng đồng ý ly hôn với Bà C;

- Về con chung: 02 con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 23/8/1998 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 28/8/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Đ không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28; 35; 39; 147; 228; 273 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Đặng Thị Mộng C và ông Nguyễn Văn Đ là vợ chồng.

Về con chung: 02 con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 23/8/1998 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 28/8/2002 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản: Bà Đặng Thị Mộng C và ông Nguyễn Văn Đ không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

Về án phí: Buộc bà Đặng Thị Mộng C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Ly hôn" và bị đơn cư trú tại ấp Bưng Lớn B, xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Nguyễn Văn Đ hợp lệ nhưng ông Nguyễn Văn Đ vẫn vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử nghĩ nên áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn Đ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà C trình bày bà và Ông Đ chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1997, không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay Bà C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ. Đồng thời theo lời khai của Ông Đ trong quá trình giải quyết vụ án, Ông Đ cũng xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, ông đồng ý ly hôn với Bà C. Do Bà C và Ông Đ chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1997, mà không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng, do đó Hội đồng xét xử không công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Bà C và Ông Đ được mà áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bà C và Ông Đ.

[4] Về con chung: 02 con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 23/8/1998 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 28/8/2002 đã trưởng thành nên Bà C

và Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản: Bà Đặng Thị Mộng C và ông Nguyễn Văn Đ khai không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Đặng Thị Mộng C và ông Nguyễn Văn Đ khai không có, không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Đặng Thị Mộng C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147; 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Đặng Thị Mộng C và ông Nguyễn Văn Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: 02 con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 23/8/1998 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 28/8/2002 đã trưởng thành nên Bà C và Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Đặng Thị Mộng C và ông Nguyễn Văn Đ không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem, xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Bà Đặng Thị Mộng C và ông Nguyễn Văn Đ khai không có, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí: Bà Đặng Thị Mộng C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0017572 ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh; Bà Đặng Thị Mộng C đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

7. Về Quyền kháng cáo: Bà Đặng Thị Mộng C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- CC.THA-DS huyện Cầu Kè;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thành Tú